

Số: **1089** /QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày **11** tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp
đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thuộc phạm vi quản lý nhà nước
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BKHĐT ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Kế hoạch rà soát thủ tục hành chính năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và thủ tục hành chính lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Cục Phát triển doanh nghiệp và Vụ Kinh tế nông nghiệp tổ chức thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Giao Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc Cục Phát triển doanh nghiệp, Vụ Kinh tế nông nghiệp và các đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp, Vụ trưởng Vụ Kinh tế nông nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:


- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các đơn vị: PTDN, KTNN;
- Trung tâm Tin học (để đưa tin);
- Lưu: VT, VP (KSTH) _{H4}



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Phụ lục

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1089/QĐ-BKHĐT ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư) 



Phạm vi rà soát: Các quy định có liên quan tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

A. NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

I. NỘI DUNG RÀ SOÁT VÀ ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn (cấp Bộ và cấp tỉnh).

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định về thành phần hồ sơ

* Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ bao gồm:

(i) Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP;

(ii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

(iii) Đề xuất nhu cầu hỗ trợ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP;

(iv) Những tài liệu, hồ sơ liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ (nếu có).

(v) Các tài liệu liên quan khác (nếu có);

* Hồ sơ thanh toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

(i) Văn bản Thông báo hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

(ii) Hợp đồng, thanh lý hợp đồng và nghiệm thu (nếu có) giữa doanh nghiệp nhỏ và vừa với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ;

(iii) Các hoá đơn, chứng từ tài chính có liên quan.

b) Quy định về xử lý đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp

Doanh nghiệp nhỏ và vừa lập Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP và gửi (trực tiếp hoặc trực tuyến) tới cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa xem xét, quyết định và thông báo cho doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp đủ điều kiện hỗ trợ nhưng chưa đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hướng dẫn doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ. Trường hợp doanh nghiệp chưa đủ điều kiện hỗ trợ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thông báo (bằng văn bản hoặc trực tuyến) cho doanh nghiệp biết.

c) Lý do

Nhằm quy định thống nhất thành phần hồ sơ, các bước xử lý đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp theo nội dung được đề xuất thực hiện tại Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

1.2. Kiến nghị thực thi

Ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 210.901.000 VNĐ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 83.938.320 VNĐ
- Chi phí tiết kiệm: 126.962.680 VNĐ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 60,2%

2. Thủ tục đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên

2.1 Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định về thành phần hồ sơ

* Đối với trường hợp cá nhân tư vấn, hồ sơ bao gồm:

(i) Đơn đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên;

- (ii) Sơ yếu lý lịch và hồ sơ tóm tắt kinh nghiệm;
- (iii) Bản sao có chứng thực văn bằng đào tạo;
- (iv) Bản sao có chứng thực các văn bản, giấy tờ được cơ quan có thẩm quyền cấp.

* Đối với trường hợp tổ chức tư vấn, hồ sơ bao gồm:

- (i) Đơn đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên;
- (ii) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập;
- (iii) Hồ sơ tóm tắt kinh nghiệm;
- (iv) Bản sao có chứng thực hồ sơ của các cá nhân tư vấn thuộc tổ chức;
- (v) Bản sao có chứng thực các văn bản, giấy tờ chứng minh đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật (đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện).

b) Quy định về xử lý đề nghị hỗ trợ

Tư vấn viên hoặc tổ chức tư vấn có thể nộp hồ sơ theo quy định thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến tới đơn vị được giao đầu mối tổ chức hoạt động mạng lưới tư vấn viên thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ để được công nhận vào mạng lưới tư vấn viên và công bố trên trang thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong thời hạn 10 ngày làm việc.

Trường hợp tư vấn viên chưa đủ điều kiện để được công nhận, đơn vị được giao đầu mối tổ chức hoạt động mạng lưới tư vấn viên thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ gửi thông báo lý do chưa đủ điều kiện thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến tới tư vấn viên hoặc tổ chức tư vấn trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký.

Tư vấn viên hoặc tổ chức tư vấn có thể đăng ký mạng lưới tư vấn viên của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ khác nhau nếu đáp ứng điều kiện, tiêu chí theo quy định.

Sau khi được công nhận vào mạng lưới tư vấn viên và được công bố trên trang thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tư vấn viên hoặc tổ chức tư vấn có thể truy cập vào Cổng thông tin doanh nghiệp (tại địa chỉ www.business.gov.vn) để đăng ký vào cơ sở dữ liệu mạng lưới tư vấn viên hỗ trợ các nội dung tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định này.

c) *Lý do*

Nhằm quy định thống nhất thành phần hồ sơ, các bước xử lý đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp theo nội dung được đề xuất thực hiện tại Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

2.2. Kiến nghị thực thi

Ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 118.068.520 VND
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 71.652.280 VND
- Chi phí tiết kiệm: 46.416.240 VND
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 39,31%.

3. Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp

3.1 Nội dung đơn giản hóa

a) *Quy định về thành phần hồ sơ*

Hồ sơ đề hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp nhỏ và vừa được hưởng theo quy định bao gồm:

- (i) Bản sao hợp lệ Giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh;
- (ii) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế;
- (iii) Bản sao hợp lệ chứng từ nộp lệ phí môn bài, các loại thuế và khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có), tờ khai thuế trong thời hạn 01 năm trước khi chuyển đổi.

b) *Quy định về xử lý đề nghị hỗ trợ*

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tư vấn, hướng dẫn miễn phí hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp về:

- Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp;
- Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện (nếu có).

Chủ hộ kinh doanh nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này tới Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn miễn phí các nội dung quy định.

c) *Lý do*

Nhằm quy định cụ thể đơn vị hỗ trợ là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh để thống nhất về đầu mối hỗ trợ và giảm thiểu thời gian tìm hiểu cho các hộ kinh doanh khi thực hiện đăng ký doanh nghiệp.

3.2. Kiến nghị thực thi

Ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 597.703.000 VNĐ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 365.621.800 VNĐ
- Chi phí tiết kiệm: 232.081.200 VNĐ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38,82%

II. TỔNG HỢP LỢI ÍCH CỦA PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 926.672.520 VNĐ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 521.212.400 VNĐ
- Chi phí tiết kiệm: 405.460.120 VNĐ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 43.75%

B. NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

I. NỘI DUNG RÀ SOÁT VÀ ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ.

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định về thành phần hồ sơ

- Doanh nghiệp nộp gồm 03 bộ hồ sơ (bản chính) và 01 bản điện tử kèm theo, gồm: Đề xuất dự án đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Văn bản đề nghị hỗ trợ đầu tư, các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Đối với đề nghị hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu tại khoản 1, Điều 6 dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP nộp kèm theo giấy tờ góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để hình thành vùng nguyên liệu.

Đối với đề nghị hỗ trợ tín dụng quy định tại Điều 7 Nghị định thay thế nộp kèm theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa doanh nghiệp và ngân hàng.

Đối với đề nghị hỗ trợ tàu làm dịch vụ hậu cần nghề cá tại khoản 2, Điều 11 dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP chỉ nộp Văn bản đề nghị hỗ trợ; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá; Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ và các tài liệu xác định giá trị của tàu.

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

b) Quy định về xử lý đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp

Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp Tỉnh/đơn vị thuộc Bộ chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan có văn bản thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn hỗ trợ doanh nghiệp.

Căn cứ văn bản thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án, Bộ trưởng các bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ vốn cho dự án của doanh nghiệp. Trường hợp từ chối hỗ trợ, Bộ trưởng các bộ/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi doanh nghiệp và nêu lý do từ chối.

Căn cứ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức, thực hiện tổng hợp và giao vốn cho các dự án của doanh nghiệp theo trung hạn và hằng năm.

c) Lý do

Nhằm quy định thống nhất thành phần hồ sơ, các bước xử lý đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp theo nội dung của Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

1.2. Kiến nghị thực thi

Ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 642.600.000 VND
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 408.600.000 VND
- Chi phí tiết kiệm: 234.000.000 VND
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36,41%

2. Thủ tục về nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư, nhiệm vụ được hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ.

2.1 Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định về thành phần hồ sơ

- Doanh nghiệp nộp đề nghị nghiệm thu tới cơ quan quản lý nhà nước.
- Đối với nghiệm thu về hạng mục đầu tư, dự án đầu tư: Căn cứ kết quả nghiệm thu hoặc các quy định về nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, nghiệm thu hoàn thành dự án đầu tư theo quy định của pháp luật xây dựng để lập Biên bản nghiệm thu.
- Đối với nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học tại khoản 1, Điều 8 Nghị định thay thế: Căn cứ vào Báo cáo kết quả Đề tài nghiên cứu khoa học; xác nhận của cơ quan quản lý, nghiên cứu khoa học công nghệ để lập Biên bản nghiệm thu.
- Đối với nghiệm thu về mua bán quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng tại khoản 1, Điều 8 Nghị định thay thế: Căn cứ xác nhận của cơ quan quản lý, nghiên cứu khoa học công nghệ cấp tỉnh trở lên; Hợp đồng, thanh lý hợp đồng mua bán; hoá đơn, giấy chuyển tiền cho tổ chức, cá nhân; Bản quyền công nghệ, công nghệ hoặc kết quả nghiên cứu khoa học để lập Biên bản nghiệm thu.
- Đối với nghiệm thu hoạt động đào tạo nguồn nhân lực tại khoản 1, Điều 9 Nghị định thay thế: Căn cứ sự phù hợp của nội dung đào tạo nghề với hoạt động của dự án; Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hoá đơn, giấy chuyển tiền cho tổ chức, cá nhân (trường hợp thuê đào tạo nghề); danh sách người lao động đã tham gia khóa đào tạo (gồm: tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân và chữ ký của người lao động) để lập Biên bản nghiệm thu.
- Đối với nghiệm thu nội dung quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm, tham gia triển lãm hội chợ tại khoản 1, Điều 9 Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP: Căn cứ sự phù hợp của hoạt động quảng cáo, xây dựng thương hiệu nông sản và tham gia triển lãm hội chợ trong nước, ngoài nước với hoạt động sản xuất, kinh doanh dự án của doanh nghiệp. Căn cứ Hợp đồng và thanh lý hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp với tổ chức, cá nhân; Các hoá đơn, giấy chuyển tiền cho tổ chức, cá nhân để lập Biên bản nghiệm thu.

- Đối với nghiệm thu nội dung hỗ trợ tàu làm dịch vụ hậu cần nghề cá tại khoản 2, Điều 11 Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP: Căn cứ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ, các tài liệu xác định giá trị của tàu cá và tình trạng hoạt động của tàu cá để lập Biên bản nghiệm thu.

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

b) Quy định về xử lý đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp

Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp Tỉnh/Đơn vị đầu mối thuộc Bộ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thành lập Hội đồng nghiệm thu để tổ chức nghiệm thu dự án/hạng mục đầu tư hoặc hoạt động được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

c) Lý do

Nhằm quy định thống nhất thành phần hồ sơ, các bước xử lý nghiệm thu hỗ trợ của doanh nghiệp theo nội dung của Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2.2. Kiến nghị thực thi

Ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 958.500.000 VNĐ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 666.000.000 VNĐ
- Chi phí tiết kiệm: 292.500.000 VNĐ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,51 %

3. Thủ tục giải ngân khoản vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ.

3.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Quy định về thành phần hồ sơ

- Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án; Văn bản đề nghị thanh toán; Biên bản nghiệm thu; Văn bản thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn và Quyết định hỗ trợ từ ngân sách nhà nước của cơ quan có thẩm quyền.

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

b) Quy định về xử lý đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp

Trên cơ sở hồ sơ giải ngân của doanh nghiệp, Sở giao dịch Kho bạc Nhà nước (đối với khoản hỗ trợ từ các bộ) hoặc tới Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh giải ngân khoản vốn hỗ trợ.

c) Lý do

Nhằm quy định thống nhất thành phần hồ sơ, các bước xử lý giải ngân nguồn vốn hỗ trợ của doanh nghiệp theo nội dung của Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

3.2. Kiến nghị thực thi

Ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 415.350.000 VNĐ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 269.100.000 VNĐ
- Chi phí tiết kiệm: 146.250.000 VNĐ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,21%

II. TỔNG HỢP LỢI ÍCH CỦA PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.013.450.000 VNĐ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.577.700.000 VNĐ
- Chi phí tiết kiệm: 438.750.000 VNĐ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,75%